

Bản án số: 54/2024/KDTM-PT
Ngày 18/3/2024
V/v tranh chấp Hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Bà Phạm Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 15 và 18/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/TLPT-KDTM ngày 08/01/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng xây dựng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2024/QĐ-PT ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ trụ sở: phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn M, Giám đốc (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc G (theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2022) (Có mặt)

Bị đơn: Tổng Công ty Đ

Địa chỉ trụ sở: phường V, quận Đ, Hà Nội; Địa chỉ giao dịch: phường T, quận N, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn D, Tổng Giám đốc (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thành C và bà Trần Thị H (Theo Giấy ủy quyền số 06/CTN-UQ ngày 12/3/2024) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hải A và bà Trịnh Thị H1 - Luật sư Văn phòng L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/03/2016, Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là “H”) và Tổng công ty Đ (sau đây gọi tắt là “V”) cùng Công ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là “Công ty T2”), Công ty cổ phần X1 (sau đây gọi tắt là “Công ty X1”) ký Thỏa thuận Liên danh thầu phụ, với mục đích thực hiện Hợp đồng H/ICB/1A/SUB - Nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm và ống truyền tải từ trạm bơm về nhà máy thuộc Dự án cải thiện môi trường nước thành phố H, trong đó, V là thành viên đứng đầu liên danh.

Ngày 18/5/2016, liên danh thầu phụ đã ký Hợp đồng thầu phụ số H/ICB/1A/SUB cho Nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm và ống truyền tải từ trạm bơm về nhà máy X2 thuộc Dự án cải thiện môi trường nước thành phố H với Công ty TNHH K (Văn phòng quản lý dự án).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 07/10/2021, Hải T và V1 đã tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó, giá trị V giữ lại để chờ Chủ đầu tư phê duyệt khối lượng bổ sung, phát sinh (VO) là 2.802.269.891 đồng.

Ngày 08/10/2021, Hải T và V1 ký Phụ lục thỏa thuận liên danh thầu phụ về việc điều chuyển khối lượng thực hiện giữa các thành viên Liên danh thầu phụ. Theo đó, đối với số tiền 2.802.269.891 đồng, các bên thỏa thuận: *“Trong thời gian chờ Chủ đầu tư phê duyệt, thanh toán VO, Tổng Công ty V2 sẽ tạm giữ số tiền mà Nguyên đơn được thanh toán tương đương với giá trị VO mà Tổng Công ty V2 đã thực hiện với giá trị là 2.802.269.891 đồng. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt VO, hai bên sẽ hoàn thành việc đối chiếu công nợ và thanh toán cho khoản VO này”*.

Do đợi lâu mà chưa được thanh toán số tiền trên, ngày 23/05/2022, Hải T đã làm văn bản gửi Ban Q nước thành phố H (PMU) để xác nhận khối lượng đã được PMU nghiệm thu phần VO gói thầu H/ICB/1A/SUB, PMU đã xác nhận đã phê duyệt và thanh toán VO đối với gói thầu H/ICB/1A/SUB.

Đến nay, H vẫn chưa được V1 thanh toán khoản tiền này dù H đã gửi văn bản yêu cầu V3 thanh toán.

Vì vậy, Hải T đề nghị Tòa án buộc V phải thanh toán cho Hải T các khoản sau:

1. Số tiền 2.802.269.891 đồng (Hai tỷ tám trăm linh hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm chín mươi một đồng) theo VO đã được thanh toán;

2. Tiền lãi phát sinh kể từ ngày thứ 6 mà V được PMU thanh toán VO đối với gói thầu H/ICB/1A/SUB, cụ thể tính từ ngày 01/6/2022 (theo hợp đồng là tính

05 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư phê duyệt VO, nhưng Nguyên đơn tính từ ngày thứ 09 sau ngày 23/5/2022) là ngày bên Hải T nhận được xác nhận của bên Ban Q nước thành phố H (PMU) về việc đã thanh toán VO cho V. Lãi suất tính lãi là 10%/ năm theo lãi suất của Ngân hàng B (đây là ngân hàng Nguyên đơn vay để hoạt động sản xuất kinh doanh).

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:

Liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng thầu phụ và Thỏa thuận Liên danh thầu phụ của các Thành viên liên danh, trong đó có Hải T, V1 có ý kiến như sau:

1. Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đối với khoản tiền 2.802.269.891 đồng (sau đây gọi là “Khoản tiền VO”) và tiền lãi phát sinh:

Ngày 07/10/2021, Bị đơn và Nguyên đơn đã có Biên bản đối chiếu công nợ, trong đó có nội dung liên quan đến khoản tiền VO nói trên. Ngày 08/10/2021, Bị đơn và Nguyên đơn đã ký Phụ lục thỏa thuận Liên danh thầu phụ, trong đó có nội dung thỏa thuận liên quan đến khoản VO.

Liên quan đến khoản thanh toán VO này, ngày 23/6/2022, Bị đơn đã có văn bản số 266/CTN-KHKTTCKT gửi Nguyên đơn. Trong đó có nội dung “Bị đơn đề nghị Nguyên đơn hoàn thiện hồ sơ thanh toán IPC40 theo quy định. Bị đơn cam kết sẽ thanh toán cho Nguyên đơn khi có đầy đủ hồ sơ và nhận được tiền thanh toán của T1 chính H2”.

Toàn bộ khoản thanh toán VO được Nhà thầu chính (Công ty K) chấp thuận thanh toán trong Hồ sơ thanh toán đợt 40 (IPC40) ký giữa Thầu chính H2 và Bị đơn. Tiền thanh toán được T1 chính H2 chuyển về tài khoản của Bị đơn ngày 11/8/2022.

Theo quy định tại Điều 2 của Phụ lục Thỏa thuận Liên danh thầu phụ thì “sau khi Chủ đầu tư phê duyệt VO, hai bên sẽ đối chiếu để làm cơ sở thanh toán công nợ có liên quan theo nguyên tắc:

+ Chi phí lãi vay sẽ được tính đến thời điểm tiền thanh toán cho VO về đến tài khoản thanh toán của V1;

+ Nếu giá trị khối lượng phát sinh nhỏ hơn chi phí thi công thì Nguyên đơn phải bù lại phần chênh lệch;

+ Trường hợp giá trị khối lượng phát sinh lớn hơn chi phí thi công thì Nguyên đơn được nghiệm thu giá trị phần chênh lệch đó;

+ Toàn bộ giá trị Nguyên đơn phải đền bù thiệt hại cho V1 được hai bên khấu trừ vào giá trị khối lượng hoàn thành của H”

Ngoài ra, cũng quy định “Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt VO, hai bên sẽ tiến hành hoàn thành việc đối chiếu công nợ và thanh toán khoản VO này. Giá trị còn lại Nguyên đơn được thanh toán, V1 có trách

nhệm thanh toán cho Nguyên đơn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày V1 nhận được tiền thanh toán của Nhà thầu chính”.

Tuy vậy, cho đến thời điểm này, Nguyên đơn chưa thực hiện bất kỳ việc gì để đối chiếu công nợ liên quan với Bị đơn theo quy định của Phụ lục Thỏa thuận Liên danh thầu phụ ký ngày 08/10/2021.

Theo đó, Nguyên đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ để xác định công nợ để làm cơ sở thanh toán cho khoản tiền 2.802.269.891 đồng theo Đơn khởi kiện.

2. Kiến nghị của Bị đơn:

2.1. Để có cơ sở thanh toán tiếp theo, yêu cầu Nguyên đơn thực hiện đúng cam kết trong Phụ lục đã ký ngày 08/10/2021.

Về việc này, Bị đơn đã có các Văn bản (số 266/CTN-KHKT&TCKT ngày 23/6/2022 và số 386/CTN-KHKT ngày 12/9/2022) đề nghị Nguyên đơn hoàn thiện hồ sơ thanh toán theo IPC40.

2.2. Căn cứ các quy định của Hợp đồng thầu phụ, Thỏa thuận Liên danh thầu phụ và các phụ lục Thỏa thuận liên danh thầu phụ, trong quá trình thực hiện Hợp đồng thầu phụ số H/ICB/1A/SUB, Nguyên đơn đã vi phạm không hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng dẫn đến việc bị Chủ đầu tư phạt chậm tiến độ với Nhà thầu chính và Nhà thầu chính phạt chậm tiến độ với Nhà thầu phụ (như được xác định trong Hồ sơ thanh toán đợt 40) với giá trị bị phạt tương ứng với các phần công việc thuộc trách nhiệm của Nguyên đơn là 3.408.498.316 đồng.

Căn cứ Điều 9 của Thỏa thuận Liên danh thầu phụ ký ngày 15/3/2016 “*Nếu thành viên khác không hoàn thành công việc của mình trong thời gian hoàn thành được nêu tại Điều 7, thành viên khác phải thanh toán cho thành viên đứng đầu toàn bộ khoản thiệt hại do chậm tiến độ mà thành viên đứng đầu liên danh phải thanh toán cho Nhà thầu chính theo quy định của Hợp đồng thầu phụ*”.

Ngoài ra, theo các Biên bản làm việc, Công văn của Nhà thầu chính, việc Nguyên đơn vi phạm các nghĩa vụ của Thành viên liên danh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, sẽ áp dụng theo quy định tại Điều 11 của Thỏa thuận Liên danh thầu phụ cụ thể:

“11.3. Khi thành viên đứng đầu chấm dứt thực hiện của một thành viên khác theo điều 11.1, thành viên khác này không được quyền nhận thêm bất kỳ khoản thanh toán nào cho đến khi xác định được chính xác số tiền theo Điều 11.4 dưới đây:

11.4. Khi phần công việc của thành viên khác được hoàn thành và giá trị quyết toán được xác định, thành viên khác có quyền được thanh toán:

a. Giá trị quyết toán của phần công việc theo Thỏa thuận thầu phụ;

b. Tổng số tiền đã tạm ứng, thanh toán; số tiền tổn thất và thiệt hại mà thành viên đứng đầu phải gánh chịu và mọi chi phí để thực hiện hoàn thành phần công việc của thành viên khác do chấm dứt thực hiện.

Nếu số tiền đoạn a) trên nhỏ hơn số tiền của đoạn b) ở trên, thành viên đứng đầu được quyền thu hồi nợ từ thành viên khác. Trong trường hợp này, thành viên khác phải thanh toán phần chênh lệch trên cho thành viên đứng đầu.”

Theo đó, nếu thực hiện đầy đủ việc hoàn thiện hồ sơ và đối chiếu số liệu theo quy định, dự kiến giá trị H được thanh toán như sau:

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|
| I | Giá trị H được hưởng các đợt thanh toán (từ đợt 1 đến đợt 33) | 3.992.941.786 | |
| II | Số liệu thanh toán đợt 40 (IPC40) | | |
| 1 | Cắt giảm khối lượng hoàn thành (sau thuế 8%) | -229.932.752 | |
| 2 | Giá trị VO H phải bù sau khi V được H thanh toán (sau thuế 8%): | -66.154.744 | |
| + | Giá trị VO TCT V đã thực hiện: | 2.802.269.891 | |
| + | Giá trị VO H đã thanh toán V: | 2.736.115.147 | |
| 3 | Giá trị H bị phạt chậm tiến độ theo IPC40: | -3.408.498.316 | |
| 4 | Giá trị điều chỉnh giá H được hưởng (sau thuế): | 704.032.122 | |
| | Cộng (1+2+3+4) | -3.000.553.690 | |
| III | H còn được hưởng sau khi đối chiếu và hoàn thiện hồ sơ thanh toán đợt 40 (I+II): | 992.388.096 | |

Từ các dẫn chứng trên, Bị đơn khẳng định: Việc khởi kiện của Nguyên đơn là vô căn cứ, thiếu tinh thần hợp tác theo đúng các thỏa thuận đã ký kết giữa Bị đơn và Nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét các vấn đề từ tiến độ thi công và các nghĩa vụ về thanh toán cần phải xem xét trên góc độ của cả tổng thể hợp đồng. Cụ thể: Các bên chưa có đối chiếu công nợ sau khi Nguyên đơn nhận được văn bản ngày 23/5/2022. Cho đến cuối hợp đồng giá trị quyết toán mà Nguyên đơn được hưởng chỉ còn lại giá trị 992.388.096 đồng.

Do không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc nên Bị đơn không đồng ý với yêu cầu tính lãi của Nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 16/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Tổng Công ty Đ CTCP về việc thanh toán số tiền còn nợ theo Thỏa thuận liên danh thầu phụ thực hiện Hợp đồng H/ICB/1A/SUB - Nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm và ống truyền tải từ trạm bơm về nhà máy thuộc Dự án cải thiện môi trường nước thành phố H ký ngày 15/02/2016.

- Buộc Tổng Công ty Đ phải trả cho Công ty TNHH X số tiền là 3.054.858.053 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.802.269.891 đồng, nợ lãi phát sinh (từ 01/6/2022 đến 25/4/2023) là 252.588.162 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thanh toán khi thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Bị đơn Tổng Công ty Đ đã kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Giữ nguyên quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm, không đồng ý với số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo đề nghị của Nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn thống nhất với trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn.

Người đại diện của Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn các khoản tiền:

- | | |
|----------------------------|---------------------|
| 1. Nợ gốc: | 2.802.269.891 đồng. |
| 2. Về khoản lãi phát sinh: | 252.588.162 đồng. |
| Tổng cộng là: | 3.054.858.053 đồng. |

Cách tính lãi cụ thể:

Số tiền gốc là 2.802.269.891 đồng.

Tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2023 là 329 ngày.

Lãi suất 10%/ năm theo lãi suất của điều 468 Bộ luật dân sự (2.802.269.891 đồng x 10%/năm x 329 ngày = 252.588.162 đồng).

Lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Số tiền Nguyên đơn đòi 2.802.269.891 đồng xuất phát từ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/10/2021 và Điều 3 Phụ lục thỏa thuận liên danh thầu phụ ngày 08/10/2021. Đây là số tiền đáng lẽ Nguyên đơn được thanh toán từ tiền giữ lại 10% (mục 2 của phần 2.1 Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/10/2021). Số

tiền này được giữ lại như một khoản bảo lãnh cho Bị đơn đối với VO. Sau khi Bị đơn được Chủ đầu tư phê duyệt VO thì sẽ phải đối chiếu công nợ với Nguyên đơn để thanh toán khoản tiền này trên cơ sở: Nếu giá trị khối lượng phát sinh (VO) nhỏ hơn chi phí thi công thì Hải T phải bù phần còn thiếu; trường hợp giá trị khối lượng phát sinh (VO) lớn hơn chi phí thi công thì Hải T được nghiệm thu phần chênh lệch giá trị đó (Điều 3 của Phụ lục thỏa thuận liên danh thầu phụ).

Khi Chủ đầu tư phê duyệt VO trong vòng 05 ngày làm việc, hai bên hoàn thành đối chiếu công nợ và thanh toán cho khoản VO này, nhưng Bị đơn đến nay chưa thanh toán cho Nguyên đơn và cũng không thông báo cho Nguyên đơn khoản VO đã được Chủ đầu tư phê duyệt là bao nhiêu và từ thời điểm nào. Nguyên đơn không biết nên đã phải làm văn bản xin xác nhận của Chủ đầu tư ngày 23/5/2022; Chủ đầu tư xác nhận đã thanh toán toàn bộ giá trị khối lượng phát sinh (VO) đối với cả gói thầu.

Số tiền lãi phát sinh đáng lẽ Bị đơn phải chịu là:

$2.802.269.891 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 329 \text{ ngày} = 252.588.162 \text{ đồng}$ (329 ngày tính từ 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm)

Đáng lẽ, Nguyên đơn yêu cầu tính lãi như trên, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn nhất trí tính từ sau ngày Bị đơn được nhận khoản tiền VO là ngày 11/8/2022. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bắt đầu tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2023) là 252 ngày. Lãi suất 10% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn, Bị đơn: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của Đơn kháng cáo: Đảm bảo nội dung theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy xác định kháng cáo là hợp lệ và có căn cứ.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 37 ngày 22/4/2015, Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa về thời điểm tính lãi suất. Về án phí: Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ án Kinh doanh thương mại về “Tranh chấp Hợp đồng xây dựng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tổng Công ty Đ (Bị đơn) có trụ sở tại quận Đ nên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] **Về kháng cáo của Bị đơn:**

Căn cứ các tài liệu, lời khai của các bên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 18/5/2016, Liên danh thầu phụ Tổng Công ty Đ - Công ty TNHH X - Công ty TNHH T2 - Công ty cổ phần X1 đã ký Hợp đồng Liên danh thầu phụ số H/ICB/1A/SUB với Nhà thầu chính - Công ty TNHH K để thực hiện Gói thầu “Nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm và tuyến ống truyền tải từ trạm bơm về Nhà máy xử lý nước thải và công tác vận hành bảo dưỡng thuộc Dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H”. Gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau, trong đó Hải T (Nguyên đơn) là một thành viên Liên danh, V1 (Bị đơn) là thành viên đứng đầu Liên danh.

Ngày 07/10/2021, Bị đơn và Nguyên đơn đã ký Biên bản đối chiếu công nợ giữa Nguyên đơn và Bị đơn trong việc Liên danh thực hiện Gói thầu.

Ngày 08/10/2021, Bị đơn và Nguyên đơn đã ký Phụ lục thỏa thuận Liên danh thầu phụ, trong đó có nội dung thỏa thuận liên quan đến khoản VO (khoản khối lượng phát sinh do Bị đơn thực hiện được chuyển cho Nguyên đơn).

Tranh chấp của các bên chỉ liên quan đến Phụ lục Liên danh thầu phụ ngày 08/10/2021 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/10/2021 nói trên. Các văn bản này đã được ký kết bởi các đại diện có thẩm quyền của các bên, nội dung mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, các bên phải tuân theo các nội dung đã thỏa thuận.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/10/2021, Nguyên đơn và Bị đơn đã thỏa thuận giá trị mà Nguyên đơn được thanh toán là 2.802.269.891 đồng, được Bị đơn giữ lại để chờ phê duyệt VO (khối lượng bổ sung, phát sinh).

Theo Phụ lục thỏa thuận liên danh ngày 8/10/2021 thì đối với số tiền 2.802.269.891 đồng các bên đã thỏa thuận: “trong thời gian chờ Chủ đầu tư phê duyệt, thanh toán VO, V1 sẽ tạm giữ số tiền mà H được thanh toán tương đương với giá trị VO mà V1 đã thực hiện với giá trị là: 2.802.269.891 đồng. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt VO, hai bên sẽ hoàn thành việc đối chiếu công nợ và thanh toán cho khoản VO này”.

Theo kháng cáo của Bị đơn thì Nguyên đơn chỉ được nhận số tiền 992.388.096 đồng sau khi Nguyên đơn bị khấu trừ số tiền 3.000.553.690 đồng, gồm các khoản sau:

| | | |
|----|-----------------------------------------------------------------|----------------|
| I | Giá trị H được hưởng các đợt thanh toán (từ đợt 1 đến đợt 33) | 3.992.941.786 |
| II | Số liệu thanh toán đợt 40 (IPC40) | |
| 1 | Cắt giảm khối lượng hoàn thành (sau thuế 8%) | -229.932.752 |
| 2 | Giá trị VO H phải bù sau khi V được H thanh toán (sau thuế 8%): | -66.154.744 |
| + | Giá trị VO TCT V đã thực hiện: | 2.802.269.891 |
| + | Giá trị VO H đã thanh toán V: | 2.736.115.147 |
| 3 | Giá trị H bị phạt chậm tiến độ theo IPC40: | -3.408.498.316 |
| 4 | Giá trị điều chỉnh giá H được hưởng (sau thuế): | 704.032.122 |
| | Cộng (1+2+3+4) | -3.000.553.690 |

Quan điểm này của Bị đơn là không có cơ sở bởi số tiền 2.802.269.891 đồng đã được chính Bị đơn và Nguyên đơn xác nhận đây là khoản giữ lại chờ Chủ đầu tư phê duyệt khối lượng phát sinh. Hai bên xác nhận trong các thành viên thầu phụ thì Bị đơn là thành viên đứng đầu liên danh, khoản tiền 2.802.269.891 đồng các bên thống nhất giữ lại là tiền thanh toán khối lượng công việc Nguyên đơn đã thực hiện, đó như là khoản tiền được Bị đơn giữ lại để bảo đảm cho việc thực hiện VO đối với Nguyên đơn. Khi nào Chủ đầu tư xác nhận xong khối lượng phát sinh thì Nguyên đơn được thanh toán khoản tiền này. Việc Bị đơn viện dẫn Điều 9 của Thỏa thuận Liên danh thầu phụ ký ngày 15/3/2016 theo đó, “*nếu thành viên khác không hoàn thành công việc của mình trong thời gian hoàn thành được nêu tại Điều 7, thành viên khác phải thanh toán cho thành viên đứng đầu toàn bộ khoản thiệt hại do chậm tiến độ mà thành viên đứng đầu liên danh phải thanh toán cho Nhà thầu chính theo quy định của Hợp đồng thầu phụ*” là không phù hợp, bởi số tiền 2.802.269.891 đồng đã được Chủ đầu tư/Nhà thầu chính xác nhận thanh toán, khớp với số tiền mà hai bên xác nhận là khoản giữ lại. Điều đó có nghĩa là Bị đơn, với tư cách là người đứng đầu Liên danh, không bị trừ các khoản thiệt hại nào trong số tiền đã được xác nhận này.

Mặt khác, tại Văn bản đối chiếu công nợ ngày 7/10/2021 do hai bên ký kết cũng đã thể hiện rất rõ: Mục III: Giá trị H được thanh toán (7-8-9-10) tính đến thời điểm 7/10/2021 Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn là 398.153.604 đồng; Mục IV: Giá trị Bị đơn tạm giữ trong thời gian chờ phê duyệt VO 2.802.269.891 đồng. Như vậy, theo ghi nhận tại mục IV, không có nội dung nào

thể hiện rằng Nguyên đơn chỉ được nhận giá trị còn lại của khoản 2.802.269.891 đồng sau khi khấu trừ các thiệt hại của Bị đơn.

Bị đơn cho rằng Nguyên đơn chưa có hồ sơ quyết toán nội bộ của khoản tiền 2.802.269.891 đồng, khoản tiền này thuộc trong gói thầu IPC40, là không có căn cứ bởi Nguyên đơn cũng là thành viên Liên danh, được thanh toán cho phần việc của mình đã thực hiện trong phạm vi công việc của Hợp đồng Liên danh thầu phụ, Nguyên đơn không phải là nhà thầu phụ của Bị đơn, do vậy Nguyên đơn không có nghĩa vụ phải quyết toán nội bộ với Bị đơn. Khoản thanh toán là giá trị khối lượng mà thành viên Liên danh đã thực hiện, đã được Chủ đầu tư/Nhà thầu chính xác nhận và thanh toán, nên nguyên đơn được hưởng khoản tiền này là hoàn toàn phù hợp với thoả thuận của các bên.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ hợp lệ chứng minh cho yêu cầu đòi trừ thiệt hại của mình và không có yêu cầu phản tố cho những thiệt hại mà Bị đơn cho rằng được quyền khấu trừ, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc tính lãi: Các bên không thoả thuận trong hợp đồng về việc phạt chậm thanh toán. Tuy nhiên, Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn, khiến quyền lợi của Nguyên đơn bị ảnh hưởng. Nên Bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi do chậm thanh toán là phù hợp với Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Việc Bị đơn giữ tiền của Nguyên đơn đã được thanh toán sau khi Bị đơn đã được Ban quản lý thanh toán khối lượng phát sinh là không thực hiện đúng thoả thuận tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/10/2021 và Phụ lục thoả thuận liên danh thầu phụ ngày 08/10/2021. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/10/2021, Bị đơn xác nhận sẽ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 2.802.269.891 đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt VO. Tài liệu hồ sơ vụ án và Bị đơn thừa nhận ngày Bị đơn được nhận khoản 2.802.269.891 đồng giữ lại là ngày 11/8/2022. Như vậy, Bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho Nguyên đơn muộn nhất vào ngày 17/8/2022 nhưng Bị đơn đã không thực hiện, tại phiên tòa, Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 17/8/2022. Xét việc yêu cầu thời điểm tính lãi có lợi cho Bị đơn, do vậy, Hội đồng xét xử xác định thời điểm tính lãi từ ngày 17/8/2022. Vì vậy, cần sửa lại bản án sơ thẩm về thời điểm tính lãi từ ngày 17/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2023) là 252 ngày. Lãi suất 10%/ năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Cụ thể số tiền Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là:

- Nợ gốc: 2.802.269.891 đồng
- Lãi: $2.802.269.891 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 252 \text{ ngày} = 193.471.784 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 2.995.741.675 đồng (*Hai tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*).

[3] Về án phí:

Nguyên đơn được HĐXX chấp nhận một phần đơn khởi kiện, nên sẽ được hoàn trả một phần tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm và án phí cho phần phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về về hợp đồng xây dựng. Luật Xây dựng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Tổng Công ty Đ CTCP về việc thanh toán số tiền còn nợ theo Thỏa thuận liên danh thầu phụ thực hiện Hợp đồng H/ICB/1A/SUB - Nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm và ống truyền tải từ trạm bơm về nhà máy thuộc Dự án Cải thiện môi trường nước Thành phố H ký ngày 15/3/2016.

2. Buộc Tổng Công ty Đ CTCP phải trả Công ty TNHH X:

2.1. Nợ gốc là: 2.802.269.891 đồng

2.2. Nợ lãi phát sinh (từ 17/8/2022 đến 25/4/2023) là: 193.471.784 đồng

Tổng cộng là: 2.995.741.675 đồng (*Hai tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*)

2.3. Kể từ ngày 26/4/2023, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 10% năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí:

Tổng Công ty Đ CTCP phải chịu 91.914.834 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0071929 ngày 15/5/2023 của

Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tổng Công ty Đ còn phải nộp 88.914.834 đồng.

Công ty TNHH X được hoàn lại số tiền 16.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0070860 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- CCTHADS quận Đống Đa;
- TAND quận Đống Đa;
- VKSND quận Đống Đa;
- CTHADS TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Tuấn